

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST

Ngày 08-4-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Kiều Trang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ.

Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2019/HSST ngày 25 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

- Bị cáo Trần T, sinh năm 1976, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Tên gọi khác: Tý B

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Trần B, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Trần Thị B, sinh năm 1942 (đã chết), vợ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981, con: có 01 người sinh năm 2001, anh chị em ruột : Không có

Tiền sự: không.

Tiền án: 01 tiền án (Ngày 21/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/8/2017).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/11/2018.

- Người bị hại:

1. Chị Trần Thị L, sinh năm 1971 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp X, xã PC, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Sơn Thị Th, sinh năm 1990 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp KH, xã KH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Anh Nhâm Hoàng Th, sinh năm 1992 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 27/8/2018 bị cáo Trần T điều khiển xe mô tô, kiểu Wave, màu xanh, biển kiểm soát 84F2-2928 từ nhà bị cáo đến quán cà phê CS tại ấp ĐP B, xã LT, huyện T, tỉnh Trà Vinh để tìm một người tên L, ngụ khóm 4, thị trấn CQ, nhưng khi đến quán bị cáo không gặp L nên bị cáo vào quán cà phê nằm võng chơi. Trong lúc nằm võng, bị cáo thấy những người khách nhậu ở phía sau quán cà phê của Trần Thị L, sinh năm 1971, ngụ ấp X, xã PC, huyện T, tỉnh Trà Vinh ra về, còn những tiếp viên dọn dẹp và vào phòng ngủ. Thấy vậy, bị cáo nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong quán để tìm tài sản lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu xài.

Đến khoảng 01 giờ ngày 28/8/2018 bị cáo chui vào cửa rào làm bằng tre để vào bên trong quán cà phê và đi vào phòng ngủ, do cửa phòng không có khóa. Khi vào bên trong, bị cáo phát hiện 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO Neo 7, màu trắng, đang sạc pin nên bị cáo tháo sạc lấy trộm cùng với chiếc điện thoại trên của Trần Thị L. Sau đó, bị cáo tiếp tục lấy trộm 01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung J2, màu hồng, được để trên đầu giường của Sơn Thị Th, sinh năm 1990, ngụ ấp KH, xã KH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Sau khi lấy được tài sản trên, bị cáo ra khỏi phòng, phát hiện trước cửa phòng có 01 (một) xe mô tô, hiệu Visson, biển kiểm soát 84E1-221.61 của Sơn Thị Th, bị cáo kéo yên xe phát hiện bên trong có 01 bóp da, bị cáo mở ra lấy trộm số tiền 1.400.000 đồng. Sau đó, bị cáo chui ra ngoài lấy xe mô tô điều khiển về nhà, bỏ tất cả tài sản lấy trộm vào túi nylon và cất giấu sau nhà bị cáo.

Đến khoảng 03 ngày sau (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo điện thoại cho Nhâm Hoàng Th, sinh năm 1992, ngụ khóm 5, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà

Vinh, để rủ Th đi chơi thì Th đồng ý. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô chở Th đến gần khu vực nhà trọ PL thuộc khóm 4, thị trấn CQ thì bị cáo đưa cho Th 01 (một) túi nylon, bên trong có 01 điện thoại hiệu OPPO; 01 điện thoại hiệu Samsung và 01 cục sạc để nhờ Th đem bán thì Th đồng ý. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô chở Th đến gần cửa hàng điện thoại di động PA do Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1978, ngụ khóm 1, thị trấn CQ làm chủ bán 01 điện thoại hiệu OPPO được số tiền 500.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Samsung được số tiền 700.000 đồng. Sau khi bán được tài sản trên, Th quay trở lại gặp bị cáo và đưa số tiền 1.200.000 đồng cho bị cáo. Sau đó, bị cáo mua 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, màu xanh với số tiền 180.000 đồng để sử dụng. Đến chiều cùng ngày, bị cáo đưa cho Th số tiền 100.000 đồng nhờ Th mua card điện thoại, Th mua hết số tiền 80.000 đồng, còn lại 20.000 đồng Th tiêu xài cá nhân hết. Số tiền còn lại là 920.000 đồng và số tiền 1.400.000 đồng mà bị cáo lấy trộm của Sơn Thị Th, bị cáo sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Riêng các bị hại Trần Thị L và Sơn Thị Th, đến sáng ngày 28/8/2018 phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã trình báo cơ quan Công an.

Qua làm việc tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Trung thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Đồng thời, trình bày sau khi đưa 02 chiếc điện thoại di động cho Nhâm Hoàng Th để nhờ Th đi bán thì bị cáo có nói cho Th biết 02 điện thoại trên là lấy của mấy đứa tiếp viên và sau khi bán được tài sản trộm thì không có chia tiền cho Nhâm Hoàng Th.

Đối với Nhâm Hoàng Th khai tại cơ quan điều tra khi bị cáo nhờ Th đem bán 02 chiếc điện thoại, Th có hỏi bị cáo điện thoại được ở đâu nhưng bị cáo không trả lời mà kêu Th đi bán đi. Sau khi bán xong, Th giao cho bị cáo số tiền 1.200.000 đồng, Th hỏi bị cáo điện thoại được ở đâu thì bị cáo trả lời lấy của mấy đứa bán quán. Sau đó, bị cáo cho Th 100.000 đồng. Khi bị cáo và Th đi chơi ở xã PP, huyện CK, bị cáo có đưa 100.000 đồng cho Th để nhờ Th mua card điện thoại hết 80.000 đồng, còn 20.000 đồng, Th tiêu xài cá nhân hết. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành đối chất nhưng chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nhâm Hoàng Th.

Đối với vụ án trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 21/9/2018 tại ấp NT, xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh, do bị can Lê Văn Kh thực hiện, có liên quan đến bị cáo Trần T. Tuy nhiên, chưa đủ cơ sở xử lý đối với bị cáo Trần T, hiện cơ quan Công an tiếp tục chứng minh làm rõ, nếu đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn Ph thừa nhận có mua 02 chiếc điện thoại trên do Nhâm Hoàng Th đem bán nhưng không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý.

Quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện giao nộp đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án gồm: Nguyễn Văn Ph giao nộp 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO Neo 7, màu trắng; Nguyễn Thị Q giao nộp 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, màu xanh; Nhâm Hoàng Th giao nộp số tiền 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL.HĐ ngày 17/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Công an huyện T kết luận: Tài sản

của chị Trần Thị L và chị Sơn Thị Th, tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 5.491.500 đồng (*Năm triệu bốn trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKSTC-HS, ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trần T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần T hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào khoảng 01 giờ ngày 28/8/2018, tại quán cà phê CS tọa lạc ấp ĐP B, xã LT, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo đã lấy trộm của chị Trần Thị L và chị Sơn Thị Th gồm:

- Tài sản của Trần Thị L:

- + 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO Neo 7;
- + 01 (một) sim điện thoại di động, mạng Viettel;
- + 01 (một) sim điện thoại di động, mạng Mobiphone;
- + 01 (một) miếng dán kính cường lực;

Ngoài ra, còn giá trị tài khoản trong hai sim điện thoại trên là 195.000 đồng.

- Tài sản của Sơn Thị Th:

- + 01 (một) điện thoại di động, hiệu SamSung J2;
- + 01 (một) sim điện thoại di động, mạng Mobiphone;
- + 01 (một) sim điện thoại di động, mạng VietNammobile;
- + 01 (một) thẻ nhớ, loại 16G;
- + 01 (một) ốp lưng điện thoại SamSung J2.

Ngoài ra, còn giá trị tài khoản sim điện thoại VietNammobile là 25.000 đồng và số tiền 1.400.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.491.500 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nguyên nhân động cơ phạm tội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 02/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với người bị hại Trần Thị L đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO. Riêng phần tài sản gồm giá trị tài khoản sim; miếng dán kính cường lực và tiền thiệt hại do phục hồi sim thì chị L không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đề nghị áp dụng các Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật dân sự công nhận sự thỏa thuận tự nguyện bồi thường của bị cáo với người bị hại Sơn Thị Th với tổng số tiền là 4.223.000 đồng; với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Ph số tiền 500.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

Vị đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T tiếp tục quản lý 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh và số tiền 20.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, vị còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo thống nhất và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần T, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Trần Thị L có lời khai đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về phần hình phạt yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị hại Sơn Thị Th có lời khai yêu cầu bị cáo Trần T bồi thường tài sản bị mất trộm tương đương số tiền 2.823.000 đồng và số tiền 1.400.000 đồng, với tổng số tiền là 4.223.000 đồng. Riêng giá trị tài khoản trong sim, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về phần hình phạt yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Ph có lời khai yêu cầu bị cáo Trần T bồi thường số tiền 500.000 đồng .

Tại phiên tòa bị cáo Trần T tự nguyện đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị Sơn Thị Th và anh Nguyễn Văn Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xảy ra sự việc, bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời nhận tội của bị cáo Trần T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện

trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Trà Vinh thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T quyết định truy tố bị cáo Trần T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ điều kiện và sức khỏe để có thể lao động chân chính tạo ra nguồn thu nhập hợp pháp phục vụ cho nhu cầu sống của bản thân, nhưng bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản, đã lén lút thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

[3]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tư lợi, tham lam, muốn hưởng thụ nhưng lại không bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Trong khi đó, bị cáo đã có 01 tiền án là: Ngày 21/03/2017 bị Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Trà Vinh xử phạt 09 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo không coi đây là bài học để sửa chữa lỗi lầm, chí thú làm ăn mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đồng thời thể hiện bị cáo xem thường pháp luật và thuộc thành phần khó cải tạo.

Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Trần T, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

Chị Trần Thị L có lời khai đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Sơn Thị Th có lời khai yêu cầu bị cáo Trần T bồi thường tài sản bị mất trộm, tương đương số tiền 2.823.000 đồng và số tiền 1.400.000 đồng, với tổng số tiền là 4.223.000 đồng. Riêng giá trị tài khoản trong sim, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Anh Nguyễn Văn Ph có lời khai yêu cầu bị cáo Trần T bồi thường số tiền 500.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần T đồng ý bồi thường cho Sơn Thị Th và Nguyễn Văn Ph. Xét việc thỏa thuận tự nguyện bồi

thường trên là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về xử lý vật chứng:*

01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO Neo 7, màu trắng, là của Trần Thị L nên cơ quan Công an đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Trần Thị L là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung J2, màu hồng, sau khi Nhâm Hoàng Th bán cho Nguyễn Văn Ph thì Ph đã bán lại cho người khác, không xác định được người mua nên cơ quan Công an không thu giữ được.

Đối với 01 (một) xe mô tô, kiểu Wave, màu xanh, biển kiểm soát 84F2-2928 do Cù Anh T, sinh năm 1982, ngụ ấp BT, xã HT, huyện CT, tỉnh Trà Vinh, đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh, xe mô tô trên đã bán lại cho người khác, đến năm 2011 vợ bị cáo là Nguyễn Thị Q mua lại tại Cửa hàng xe Th thuộc khóm 1, thị trấn CQ, huyện T, tỉnh Trà Vinh nhưng chưa sang tên. Tuy nhiên, khi bị cáo sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bà Q không biết. Đồng thời, bị cáo sử dụng xe mô tô trên, liên quan đến vụ án khác, đã được cơ quan Công an thu giữ và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Q là đúng theo quy định pháp luật.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, màu xanh và số tiền 20.000 đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nhâm Hoàng Th và Nguyễn Thị Q đã giao nộp xét thấy cần thiết giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý để đảm bảo thi hành án đối với phần nghĩa vụ của bị cáo Trần T.

- *Về án phí:* Buộc bị cáo Trần T chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 02/11/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Trần Thị L đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Áp dụng các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Trần T bồi thường cho bị hại Sơn Thị Th với tổng số tiền là 4.223.000 đồng. Riêng giá trị tài khoản trong sim, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Trần T bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ph số tiền là 500.000 đồng .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý 01 (một) chiếc điện thoại di động, hiệu Nokia, màu xanh và số tiền 20.000 đồng để đảm bảo thi hành án đối với phần nghĩa vụ của bị cáo Trần T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T và biên lai thu tiền số 0008958 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Trần T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thị Kiều Trang